

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 443/QĐ-ĐHTM ngày 25 tháng 3 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

Chương trình đào tạo:	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng Logistics and Supply Chain Management
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Mã ngành:	7510605
Chuyên ngành đào tạo:	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Việt

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo trình độ đại học Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng đã được mở ngành và xây dựng năm 2019 và được ban hành theo quyết định 230/QĐ-ĐHTM ngày 04 tháng 03 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.

- Chương trình đã được rà soát và điều chỉnh định kỳ vào các năm 2022 và 2023, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là theo Quyết định số 142/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 02 năm 2023.

- Trong lần rà soát này chương trình có sự cập nhật cải tiến bao gồm:

- + Chính lại theo hướng dẫn đạt ngắn gọn, xúc tích, rành mạch, phù hợp hơn so với CTĐT trước đối với Mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể; các Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cùng các PLO1, PLO2, PLO4, PLO5, PLO6, PLO8.
- + Điều chỉnh nội dung về các học phần giáo dục thể chất theo quy định mới của Nhà trường (chuyên học phần cờ vua thành 2 tín chỉ; bổ sung các học phần tự chọn Thể dục thẩm mỹ 1, Thể dục thẩm mỹ 2)
- + Thay thế và rút bớt một số học phần để phù hợp với mục tiêu của chương trình đào tạo:

Học phần trong CTĐT hiện hành	Số TC	Loại hình	Học phần điều chỉnh theo lần rà soát này	Số TC	Loại hình
Khoa học hàng hoá	2 (24,12)	Tự chọn	Thực hành dữ liệu trên Internet	2(0,60)	Tự chọn
Lịch sử các học thuyết kinh tế	2 (24,12)	Tự chọn	Rút khỏi CTĐT		
Kinh tế lượng	3 (36,18)	Tự chọn	Hành vi khách hàng	3(36,18)	Tự chọn
Quản trị tri thức	3 (36,18)	Tự chọn	Luật Kinh tế 1	3(36,18)	Tự chọn

Nguyên lý quản lý kinh tế	3(36,18)	Tự chọn	Kinh doanh quốc tế	3(36,18)	Tự chọn
Phân phối trong chuỗi cung ứng toàn cầu	2 (24,12)	Tự chọn	Quản trị rủi ro	2(24,12)	Tự chọn
Quản trị thương hiệu điện tử	2 (24,12)	Tự chọn	Rút khỏi CTĐT		
Quản trị công nghệ	3(36,18)	Tự chọn	Thống kê kinh doanh	3(36,18)	Tự chọn
Nghiệp vụ hải quan	3(36,18)	Tự chọn	Quản trị dự án	3(36,18)	Tự chọn
Thanh toán quốc tế và tài trợ xuất nhập khẩu	3(36,18)	Tự chọn	Quản trị sản xuất	3(36,18)	Tự chọn
Quản trị PR	3(36,18)	Tự chọn	Quản trị bán hàng	3(36,18)	Tự chọn
Chiến lược thương hiệu	3(36,18)	Tự chọn	Pháp luật hợp đồng	3(36,18)	Tự chọn
Quản lý nhà nước về thương mại	3(36,18)	Tự chọn	Marketing thương mại điện tử	3(36,18)	Tự chọn

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu chung:

Chương trình Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng là CTĐT định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế và quản lý, nắm vững kiến thức và kỹ năng của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hành các kiến thức, có kỹ năng tham gia hoạch định chiến lược, quy hoạch, quản lý các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh phát triển của môi trường số.

Người học tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp dịch vụ logistics; các doanh nghiệp sản xuất, thương mại trong chuỗi cung ứng có hoạt động logistics phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; các cơ quan quản lý nhà nước các cấp liên quan đến lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng; các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về logistics và chuỗi cung ứng.

Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng nhằm mục tiêu cụ thể là đào tạo người học có được các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

- Về kiến thức: Đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nền kiến thức đủ rộng và bao quát về lĩnh vực kinh tế và kinh doanh; kiến thức căn bản, cập nhật về quản trị kinh doanh và chuyên sâu về ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

- Về kỹ năng: Có kỹ năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách và xây dựng kế hoạch về logistics và chuỗi cung ứng của doanh nghiệp/tổ chức, ngành, địa phương; Có kỹ năng tổ chức triển khai và phát triển, quản trị các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng (trên cấp độ

kế hoạch chiến lược, kế hoạch chiến thuật và tác nghiệp) và một số lĩnh vực hoạt động có liên quan trực tiếp (marketing, phân phối, quản lý chất lượng) của doanh nghiệp/tổ chức;

- Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự học tập suốt đời, năng lực cập nhật kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực thích ứng, cải tiến, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có ý thức vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, trong thực hiện các nhiệm vụ, có tinh thần khởi nghiệp, chấp hành nghiêm kỷ luật và tham gia các hoạt động tập thể của doanh nghiệp/tổ chức;

Người học tốt nghiệp có thể học phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh và học tập các bậc học cao hơn về logistics và chuỗi cung ứng, kinh doanh, thương mại, quản lý, quản trị trong và ngoài nước.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Yêu cầu về kiến thức

Người học tốt nghiệp đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế, xã hội, kiến thức đa ngành và kiến thức chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm:

(PLO1): Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức nguyên lý quy luật tự nhiên xã hội, kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội vào hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

(PLO2): Vận dụng kiến thức căn bản, cập nhật và phát triển kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

2.2. Yêu cầu về kỹ năng

Người học tốt nghiệp có kỹ năng chuyên nghiệp về logistics và quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm:

(PLO3): Biết thực hiện các kỹ năng phân tích, nhận dạng, đánh giá các vấn đề logistics và quản lý chuỗi cung ứng của ngành/địa phương, tổ chức/doanh nghiệp; Tham gia phân tích, nhận dạng được vấn đề trong chương trình và kế hoạch (chiến lược, chiến thuật, tác nghiệp) logistics và quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm/nhóm sản phẩm của doanh nghiệp/tổ chức.

(PLO4): Biết thực hiện các kỹ năng hoạch định, triển khai, phát triển, quản trị hoạt động có liên quan đến thị trường và khách hàng, sản phẩm và dịch vụ (như marketing, quản trị chất lượng, thương hiệu, kinh doanh quốc tế...) của doanh nghiệp/tổ chức.

(PLO5): Biết thực hiện các kỹ năng phân tích, lập chương trình và kế hoạch, đánh giá chuỗi hoạt động logistics và từng hoạt động logistics chức năng của doanh nghiệp/ tổ chức.

(PLO6): Biết thực hiện các kỹ năng lập kế hoạch và triển khai hoạt động quản lý nguồn cung, phân phối, dịch vụ khách hàng, vận chuyển, kho hàng và trung tâm phân phối... của doanh nghiệp/ tổ chức.

(PLO7): Biết thực hiện các kỹ năng tổ chức và quản lý theo nhiệm vụ được phân công; làm việc theo nhóm; lập báo cáo, trình diễn vấn đề; kỹ năng giao tiếp và truyền thông tốt.

2.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm

Người học tốt nghiệp CTĐT chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm như sau:

(PLO8): Có năng lực tự phân tích, đánh giá và tự đưa ra các kết luận về vấn đề chuyên môn, cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

(PLO9): Có năng lực tự học tập, tích lũy và cập nhật kiến thức và kinh nghiệm; năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc khác nhau.

(PLO10): Có ý thức vượt khó, phấn đấu vươn lên trong thực hiện các nhiệm vụ, có tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

(PLO11): Có ý thức và thực hiện nghiêm chỉnh, chấp hành kỷ luật và tích cực tham gia các hoạt động tập thể của doanh nghiệp/tổ chức.

2.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học

(PLO12): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO13): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

4. Đối tượng tuyển sinh

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

Bước 1. Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

Bước 2. Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;

- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trưởng Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;

- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;

- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;

- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;

- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;

- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);

- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Bước 3. Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

Bước 4. Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

Bước 5. Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

6. Phương thức đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

7. Nội dung chương trình đào tạo

7.1. Khung chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
1	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		40 TC	
1.1.	Giáo dục đại cương		29	
1.1.1	Các học phần bắt buộc		27	
1	Triết học Mác - Lênin	MLNP0221	3	36,18
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	HCMIO121	2	24,12
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCMIO111	2	24,12
4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	RLCP1211	2	24,12
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	HCMIO131	2	21,18
6	Pháp luật đại cương	TLAW0111	2	24,12
7	Tiếng Anh 1	ENTTI1411	2	24,12

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
8	Tiếng Anh 2	ENTH1511	2	24,12
9	Tiếng Anh 3	ENTH1611	2	24,12
10	Toán đại cương	AMAT1011	3	36,18
11	Tin học quản lý	INFO0311	3	36,18
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học	SCRE0111	2	24,12
1.1.2	Các học phần tự chọn		2	
	<i>Chọn 2 TC trong các HP sau:</i>			
1	Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet	ECOM2111	2	0,60
2	Chuyển đổi số trong kinh doanh	PCOM1111	2	24,12
1.2	Giáo dục thể chất		3	
1.2.1	Các học phần bắt buộc			
1	Giáo dục thể chất chung	GDTC1611	1	12,18
1.2.2	Các học phần tự chọn (Chọn 2 TC trong các HP sau)			
1	Bóng ném	GDTC0721	1	12,18
2	Bóng chuyền	GDTC0621	1	12,18
3	Cầu lông	GDTC0521	1	12,18
4	Bóng bàn	GDTC1621	1	12,18
5	Cờ vua	GDTC0921	2	24,36
6	Bóng rổ	GDTC0821	1	12,18
7	Thể dục thẩm mỹ 1	GDTC1811	1	12,18
8	Thể dục thẩm mỹ 2	GDTC1911	1	12,18
1.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		8	
2	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		91 TC	
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành		30	
2.1.1.	Các học phần bắt buộc		19	
1	Kinh tế vĩ mô 1	MAEC0111	3	36,18
2	Kinh tế vi mô 1	MIEC0111	3	36,18
3	Quản trị học	BMGM0111	3	36,18
4	Marketing căn bản	BMKT0111	3	36,18
5	Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng	BLOG3011	3	36,18
6	Tiếng Anh Thương mại 1	ENTI3311	2	24,12
7	Tiếng Anh Thương mại 2	ENTI3411	2	24,12
2.1.2	Các học phần tự chọn		11	

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
	<i>Chọn 11 TC trong các HP sau:</i>			
1	Hành vi khách hàng	BMKT3811	3	36,18
2	Nguyên lý thống kê	ANST0211	3	36,18
3	Luật kinh tế 1	PLAW0321	3	36,18
4	Kinh doanh quốc tế	ITOM1311	3	36,18
5	Nguyên lý kế toán	FACC 0111	3	36,18
6	Nhập môn tài chính tiền tệ	EFIN2811	3	36,18
7	Khởi sự kinh doanh	CEMG4111	2	24,12
8	Quản trị rủi ro	BMGM0411	2	24,12
2.2.	Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)		39	
2.2.1.	Các học phần bắt buộc		27	
	<i>Kiến thức ngành</i>		<i>15</i>	
1	Marketing B2B	MAGM0721	3	36,18
2	Quản trị chất lượng	QMGM0911	3	36,18
3	Quản trị chiến lược	SMGM0111	3	36,18
4	Quản trị logistics kinh doanh	BLOG1511	3	36,18
5	Quản trị chuỗi cung ứng	BLOG2011	3	36,18
	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>		<i>12</i>	
1	Mua và quản trị nguồn cung	BLOG3041	3	36,18
2	Logistics trong thương mại điện tử*	BLOG3221	3	34,12,5
3	Quản lý kho và trung tâm phân phối*	BLOG3121	3	34,12,5
4	Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế	ITOM1511	3	36,18
2.2.2.	Các học phần tự chọn		12	
	<i>Chọn 12 TC trong các HP sau:</i>			
1	Thống kê kinh doanh	ANST1211	3	36,18
2	Logistics quốc tế	BLOG3051	3	36,18
3	Quản trị dự án	CEMG2711	3	36,18
4	Luật thương mại quốc tế	PLAW3111	3	36,18
5	Marketing quốc tế	MAGM0211	3	36,18
6	Quản trị sản xuất	CEMG4211	3	36,18
7	Quản trị Tác nghiệp thương mại quốc tế	ITOM0511	3	36,18
8	Quản trị bán hàng	CEMG2621	3	36,18
2.3.	Kiến thức bổ trợ		12	
2.3.1.	Các học phần bắt buộc		6	

STT	Khối kiến thức và các học phần	Mã HP	Số TC	Cấu trúc
1	Quản trị thương hiệu 1	BRMG2011	3	36,18
2	Thương mại điện tử căn bản	PCOM0111	3	36,18
2.3.2.	Các học phần tự chọn		6	
	<i>Chọn 6 TC trong các HP sau:</i>			
1	Pháp luật hợp đồng	BLAW3511	3	36,18
2	Quản trị nhân lực căn bản	CEMG0111	3	36,18
3	Marketing thương mại điện tử	SMGM0511	3	36,18
4	Hệ thống thông tin quản lý	ECIT0311	3	36,18
2.4	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học		10	
2.4.1	Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp	REPC1511	3	0,90
2.4.2	Thực tập và viết Khoá luận tốt nghiệp	LVVC1911	7	0,210

Ghi chú:

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ, bao gồm 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp (trong đó có 89 tín chỉ học phần bắt buộc (74,2%), 31TC HP tự chọn (25,8%) và 11TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh.

Các học phần có dấu * là học phần có tổ chức báo cáo thực tế.

7.2. Mô tả các học phần (xem phụ lục)

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

TT	Kỳ học	Học phần	Số TC
1	KỲ I	Khối kiến thức GDĐC	9-10TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	03TC
		Tổng cộng	12-13TC
2	KỲ II	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	6-8TC
		Giáo dục thể chất	01 TC
		Tổng cộng	15-16TC
3	NĂM NHẤT	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	08 TC
4	KỲ III	Khối kiến thức GDĐC	04 TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	11-12 TC
		Giáo dục thể chất	02 TC
		Tổng cộng	16-17 TC
5	KỲ IV	Khối kiến thức GDĐC	6-8TC
		Khối kiến thức cơ sở ngành	3-6TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	3-6TC

		Tổng cộng	15-17 TC
6	KỶ V	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Tổng cộng	15-17TC
7	KỶ VI	Khối kiến thức cơ sở ngành	02 TC
		Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	05-06 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	09 TC
		Tổng cộng	16-17TC
8	KỶ VII	Khối kiến thức ngành, chuyên ngành	13-15 TC
		Khối kiến thức bổ trợ	03 TC
		Tổng cộng	16-18TC
9	KỶ VIII	Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học	10TC
		TỔNG CỘNG	131TC

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.



HIỆU TRƯỞNG

PGS, TS. Nguyễn Hoàng

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Duy Đạt